

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phúc

Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 553/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm A, thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm A, thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa bà T có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn C kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, sau khi cưới thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống, ông C thường hay ăn nhậu về

chửi mắng và đánh bà làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2000 đến đầu năm 2004 về chung sống lại với nhau. Ông bà đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng ông C không có sự thay đổi nên cuộc sống chung không có sự hòa hợp và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay, bà Xác định tình trạng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn C.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn C có 01 con chung tên Nguyễn Tấn D, sinh ngày 12/6/2004. Khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi thành niên. Bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Nguyễn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý như bà T đã trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông uống rượu không làm chủ bản thân nên có đánh vợ. Ông nhận ra được sai lầm nên đã nhiều lần xin lỗi bà T nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn. Nay, bà T xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu tòa án hòa giải để vợ chồng về cùng chung sống.

- Về con chung: Ông và bà có 01 con chung Nguyễn Tấn D, sinh ngày 12/6/2004. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi thành niên. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

- *Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn C. Về con chung, giao ông Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn D, sinh ngày 12/6/2004 cho đến khi thành niên, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi ngày 28/01/2001, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên bà T làm đơn ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T với bị đơn ông Nguyễn C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự trình bày do ông C uống rượu thường hay chửi mắng, đánh đập bà T. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không còn sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng đã chấm dứt cuộc sống chung không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông C mâu thuẫn trầm trọng; giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau; mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung đã chấm dứt nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông C là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật.

[3] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung Nguyễn Tấn D, sinh ngày 12/6/2004 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung: Bà xác định hiện nay cháu D đang do ông C trực tiếp nuôi dưỡng; khi vợ chồng ly hôn để ổn định môi trường sống của cháu D và giữa vợ chồng có thỏa thuận về việc nuôi con chung, bà T đồng ý giao ông C trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và bà có trách nhiệm cùng chăm sóc, giáo dục con cho đến khi thành niên. Xét các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của con chung cần giao ông Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn D, sinh ngày 12/6/2004 cho đến khi thành niên.

Ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa mở ngày 23/3/2019 ông C yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C đến Tòa để làm việc đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nhưng ông C không đến làm việc. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông C về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án. Trong trường hợp, ông C và bà T có tranh chấp có quyền yêu cầu khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn C.

2. Về con chung: Giao ông Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn D, sinh ngày 12/6/2004 cho đến khi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0006326 ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh